

Số: 2689/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết,
quản lý áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính chung áp dụng tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Bộ, ngành Trung ương;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Cổng Dịch vụ công trực tuyến;
- Trung tâm công báo - Tin học;
- Lưu: VT, KSTT(05b).

} Qua email

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT,
QUẢN LÝ ÁP DỤNG TẠI CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh An Giang)

I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thường trú (thực hiện tại cấp xã)	Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	7.000 đồng/lần đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
2	Đăng ký tạm trú tại Công an cấp xã	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, phường, thị trấn	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 15.000	<p>- Luật Cư trú năm 2006.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>đồng/lần đăng ký.</p> <p>- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại: 7.000 đồng/lần đăng ký.</p>	<p>hành Luật Cư trú.</p> <p>- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.</p> <p>- Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu (thực hiện tại cấp xã)	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	10.000 đồng/lần cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
4	Cấp đổi sổ tạm trú tại Công an cấp xã	Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, phường, thị trấn	<ul style="list-style-type: none"> - Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 20.000 đồng/lần cấp. - Các xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại: 10.000 đồng/lần cấp.</p>	<p>trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Cấp giấy chuyển hộ khẩu (thực hiện tại cấp xã)	Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
6	Cấp lại sổ hộ khẩu (thực hiện tại cấp xã)	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	10.000 đồng/lần cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
7	Cấp lại sổ tạm trú tại Công an cấp xã	Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, phường,	- Các phường thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			thị trấn	<p>thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 20.000 đồng/lần cấp.</p> <p>- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại: 10.000 đồng/lần cấp.</p>	<p>2013.</p> <p>- Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.</p> <p>- Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
8	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu (thực hiện tại cấp xã)	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	4.000 đồng/lần đính chính, gia hạn	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
9	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú tại Công an cấp xã	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, phường, thị trấn	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên,	<p>- Luật Cư trú năm 2006.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Châu Đốc: 8.000 đồng/lần đình chính, gia hạn. - Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại: 4.000 đồng/lần đình chính, gia hạn.	Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
10	Gia hạn tạm trú tại Công an cấp xã	Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, phường, thị trấn	<ul style="list-style-type: none"> - Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc: 8.000 đồng/lần đình chính, gia hạn. - Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				các huyện, thị xã còn lại: 4.000 đồng/lần đính chính, gia hạn.	tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
11	Hủy bỏ kết quả đăng ký tạm trú trú trái pháp luật tại Công an cấp xã	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, phường, thị trấn	Không	- Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					bàn tỉnh An Giang.
12	Hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật (thực hiện tại cấp xã)	Chưa quy định cụ thể	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
13	Khai báo tạm vắng tại Công an cấp xã	Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công dân. Trường hợp đặc biệt thì được phép kéo dài thời gian giải quyết, nhưng tối đa không quá 02 ngày làm việc	Công an xã, phường, thị trấn.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	Lưu trú và tiếp nhận lưu trú tại Công an cấp xã	Thực hiện ngay khi người dân đến trình báo	Công an xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
15	Tách sổ hộ khẩu (thực hiện tại cấp xã)	Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	4.000 đồng/lần đính chính, gia hạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú. + Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
16	Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú (thực hiện tại cấp xã)	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)		<p>2013.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. + Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.
17	Xóa đăng ký thường trú (thực hiện tại cấp xã)	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Công an xã, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú. - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.</p> <p>+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.</p> <p>+ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng kí cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>

II. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI TỔ CÁO (BCA)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	Theo quy định tại Điều 21 Luật tố cáo: thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Công an cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Tố cáo (Luật số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011). + Nghị định số 76/2012/NĐ-CP, ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo. + Nghị định số 91/2013/NĐ-CP, ngày 12/8/2013 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân. + Thông tư số 10/2014/TT-BCA, ngày 04/3/2014 của Bộ Công an Quy định việc xử lý, giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân. + Thông tư số 12/2015/TT-BCA, ngày 02/3/2015 của Bộ Công an quy định quy trình giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Công an cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Khiếu nại (Luật số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011). + Nghị định số 75/2012/NĐ-CP, ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại + Thông tư số 68/2013/TT-BCA, ngày 26/12/2013 của Bộ Công an hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân. + Thông tư số 11/2015/TT-BCA, ngày 02/3/2015 của Bộ Công an quy định quy trình giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân.

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã, phường, thị trấn	03 ngày làm việc	Công an xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017). + Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. + Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. + Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ. + Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú (cấp xã)	24 giờ/07 ngày.	Công an cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014- Thông tư số 53/2016/TT-BCA ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định cách thức thực hiện khai báo, tiếp nhận thông tin tạm trú của người nước ngoài tại Việt Nam

V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CÁC CƠ SỞ KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	20 ngày làm việc	UBND xã	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	25 ngày làm việc	UBND xã	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	25 ngày làm việc	UBND xã	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	25 ngày làm việc	UBND xã; Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	Không quy định	UBND xã; Phòng GDĐT	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

VI. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.</p>
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	70.000 đồng/Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt”.

VII. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Mục 1	Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu				
1	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.	Bên mời thầu, Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền	Không có	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận	- Chủ đầu tư đối với dự án; - Bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên; - Người	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị,	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		được đơn kiến nghị của nhà thầu.	có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	

VIII. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc		Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận giấy đề nghị của hộ gia đình	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận giấy đề nghị của hộ gia đình.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; - Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.
4	Thủ tục “Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng	10 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế”				<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020.
5	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Thông tư liên tịch số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					29/2014/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
6	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
7	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>+ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;</p> <p>+ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT của Liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hiện.
8	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	35 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>+ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;</p> <p>+ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT của Liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.</p>

IX. LĨNH VỰC BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	07 ngày làm việc.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
2	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
3	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
4	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở	25 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		cấp xã		CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
5	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
6	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

X. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	01 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Thông tư số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của Bộ Lao động Thương binh xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.
2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	01 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2013 của Bộ Lao động Thương binh xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

XI. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 (ba) ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010 của Chính phủ về Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng
2	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	06 (sáu) ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010 của Chính phủ về Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng
3	Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	05 (năm) ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010 của Chính phủ về Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng
4	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	05 (năm) ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010 của Chính phủ về Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

XII. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.- Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

XIII. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

XIV. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ). 	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ
2	Đăng ký khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 19/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.
3	Đăng ký khai thác cây trồng trong vườn nhà,	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ	Ủy ban nhân dân	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 19/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trang trại và cây trồng phân tán của chủ rừng là hộ gia đình	hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.	cấp xã		của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.
4	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ rừng trồng bằng vốn tự đầu tư, khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thôn	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì được khai thác theo bản đăng ký.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010. - Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09/09/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc trồng cây cao su trên đất lâm nghiệp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục thu hái cây thuốc Nam	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Trạm Kiểm lâm kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận cấp phép theo bản đăng ký.	Ủy ban nhân dân cấp xã	không	- Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định về Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, sử dụng rừng, gây nuôi động vật rừng và quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

XV. LĨNH VỰC THỦY LỢI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Luật Thủy lợi năm 2017.- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

XVI. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc.	UBND cấp xã/phường	Không	- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang cây trồng lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai.

XVII. LĨNH VỰC TÔN GIÁO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng nhận được văn bản đăng ký hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng nhận được văn bản đăng ký hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	20 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
5	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bỏ	Ngay sau khi Ủy ban nhân	UBND	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ	cấp xã		(Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung nhận được văn bản đăng ký hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	một xã	sơ đề nghị hợp lệ			18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	20 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016). - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

XVIII. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	20 ngày	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	20 ngày	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	20 ngày	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	20 ngày	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
5	Thủ tục tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến	10 ngày	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

XIX. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định</p> <p>- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày.</p>	UBND Cấp xã	Không	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p>

XX. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	Trong thời hạn mười (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật bảo vệ môi trường năm 2014- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
2	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật bảo vệ môi trường năm 2014- Nghị định số 18/2015/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>CP gày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.</p>
3	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.</p>
4	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của chủ cơ sở.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

XXI. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;- Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao;	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>		<p>Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
4	<p>Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người</p>	<p>UBND cấp xã</p>	<p>30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			<p>Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		(giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<p>BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
8	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn	UBND cấp xã	50.000 đồng/di chúc.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			<p>- Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>			<p>dịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p>

XXII. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	Không	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành về hướng dẫn phối hợp thực hiện quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	Không	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hướng dẫn phối hợp thực hiện quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành về hướng dẫn phối hợp thực hiện quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở
4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân</p>	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao			hành Luật hòa giải ở cơ sở.

XXIII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai sinh	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>	UBND cấp xã	<p>8.000 đồng/lần đăng ký. (Đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	15.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trên địa bàn tỉnh An Giang.
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký khai sinh: 8.000 đồng/lần đăng ký (Đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân) - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>15.000 đồng/lần đăng ký.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
5	Đăng ký khai tử	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc</p>	UBND cấp xã	<p>8.000 đồng/lần đăng ký. (Đôi với đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>khai tử)</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
6	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần đăng ký.	<p>- Luật hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
7	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
8	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	<p>8.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia</p>	<p>- Luật hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã ở khu vực biên giới	8.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	UBND cấp xã ở khu vực biên giới	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
11	<p>Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới</p>	<p>07 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc</p>	<p>UBND cấp xã ở khu vực biên giới</p>	<p>15.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	UBND cấp xã ở khu vực biên giới	8.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
13	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<p>- Luật hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
15	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>	UBND cấp xã	<p>15.000 đồng/lần đăng ký.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
16	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc. Trường hợp phải gửi văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính)	UBND cấp xã	15.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
17	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính)	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>
18	<p>Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</p>	<p>05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính)</p>	<p>UBND cấp xã</p>	<p>8.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trên địa bàn tỉnh An Giang.
19	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính)	UBND cấp xã	30.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.
20	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	UBND cấp xã	8.000 đồng/lần đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trên địa bàn tỉnh An Giang.
21	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã	8.000 đồng/bản sao. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

XXIV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<p>Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã; - Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp. 	Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.	4.500.000 đồng/trường hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	<p>Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan (theo quy định của Điều 21 Luật nuôi con nuôi). 	UBND cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.	<p>400.000đ/trường hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<p>mẫu nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</p>
3	Thủ tục đăng ký lại nuôi	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Ủy ban nhân dân	Không.	- Luật nuôi con nuôi 2010;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	con nuôi trong nước	đủ hồ sơ hợp lệ.	cấp xã.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</p>

XXV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức tư pháp - hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho thôi làm	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tuyên truyền viên pháp luật.			Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

XXVI. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/05/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước .

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn 			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>			

XXVII. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Thể dục, thể thao năm 2006.- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao- Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở

XXVIII. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000. Có hiệu lực từ ngày 01/4/2001. - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện. Có hiệu lực từ ngày 21/8/2002. - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/01/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Có hiệu lực từ ngày 21/02/2009. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27/2/2012.

XXIX. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận “Gia đình văn hóa”	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương

XXX. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp số và gắn biển số nhà	20 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 05/2006/QĐ-BXD, ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế đánh số và gắn biển số nhà;- Quyết định số 41/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh An Giang;

XXXI. LĨNH VỰC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	10 ngày kể từ khi nhân được hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật bình đẳng giới năm 2006- Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;- Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ	Trước khi trẻ xuất viện	Cơ sở khám, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. - Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	03 ngày làm việc	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh - Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi Tiết thi hành một số Điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế
4	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>thực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh - Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi Tiết thi hành một số Điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế
5	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi Tiết thi hành một số Điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế</p>

XXXII. LĨNH VỰC CHỐNG THAM NHŨNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau	Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11. - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập. - Thông tư số 08/2013/TT-TTTP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
2	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTTP đến ngày 31 tháng 3	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11. - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập. - Thông tư số 08/2013/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hàng năm.	thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.		TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.
3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình (Mẫu số 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư 02/2014/TT-TTCP ngày	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		29/4/2014).	thuộc cơ quan hành chính nhà nước và người có trách nhiệm thực hiện việc giải trình		TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013.
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước có trách	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trình.	nhiệm thực hiện việc giải trình		08/8/2013.

XXXIII. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Theo Điều 28 Luật khiếu nại Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	UBND xã, phường, thị trấn.	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật khiếu nại.- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại.- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

XXXIV. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Theo quy định tại Điều 21 Luật tố cáo: thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật tố cáo;- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật tố cáo;- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

XXXV. LĨNH VỰC TIẾP DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THƯ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Tiếp công dân tại cấp xã	Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật tiếp công dân năm 2013.- Luật khiếu nại, Luật tố cáo năm 2011.- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại.- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo.- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân.- Thông tư số 06/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.
2	Xử lý đơn tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại, Luật tố cáo năm 2011. - Luật tiếp công dân năm 2013. - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại. - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo. - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp công dân. - Thông tư số 07/2014/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

XXXVI. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH (BQP)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ đi tìm mộ liệt sĩ	04 ngày làm việc (trong đó: Ủy ban nhân dân: 01 ngày làm việc; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) hoặc đơn vị cấp sư đoàn hoặc tương đương trở lên: 03 ngày làm việc)	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/04/2013 của Chính phủ Hướng dẫn Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
2	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điểm K Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ	40 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:; 1. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Cục Chính trị quân khu, mỗi cấp: 10 ngày làm việc;. 2. Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị: 10 ngày làm việc;. 3. Tổng cục Chính trị: Không quy định.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/04/2013 của Chính phủ Hướng dẫn Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng - Thông tư số 202/2013/TT-BQP ngày 07/11/2013 của Bộ Quốc phòng Hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận, tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Quốc phòng
3	Thủ tục cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ	<p>70 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian ở cấp xã) cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (không quy định). 2. Cấp trung đoàn và tương đương trở lên, mỗi cấp: 10 ngày làm việc. 3. Cục trưởng Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng: 30 ngày làm việc. 4. Cục trưởng Cục Chính trị hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (nơi không có Cục Chính trị): 10 ngày làm việc. 	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/04/2013 của Chính phủ Hướng dẫn Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng - Thông tư số 202/2013/TT-BQP ngày 07/11/2013 của Bộ Quốc phòng Hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận, tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước	<p>40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <p>1. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Cục Chính trị quân khu, mỗi cấp: 10 ngày làm việc;</p> <p>2. Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị: 10 ngày làm việc;</p> <p>3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Không quy định.</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/04/2013 của Chính phủ Hướng dẫn Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng</p> <p>- Thông tư số 202/2013/TT-BQP ngày 07/11/2013 của Bộ Quốc phòng Hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận, tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng</p>
5	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham	<p>- UBND cấp xã: Không quá 07 ngày làm việc;</p> <p>- Ban CHQS cấp huyện: Không quá 07 ngày làm việc;</p> <p>- Bộ CHQS cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc;</p> <p>- Bộ Tư lệnh quân khu, BTL</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện chế độ đối với quân nhân,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	<p>Thủ đô Hà Nội: Không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: Không quá 30 ngày làm việc.</p> <p>Tổng thời gian giải quyết ở các cấp là 61 ngày làm việc.</p>			<p>người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p> <p>- Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/04/2012 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã: Không quá 07 ngày làm việc; - Ban CHQS cấp huyện: Không quá 07 ngày làm việc; - Bộ CHQS cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc; - Bộ Tư lệnh quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội: Không quá 10 ngày làm việc; - Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: Không quá 30 ngày làm việc. <p>Tổng thời gian giải quyết ở các cấp là 61 ngày làm việc.</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. - Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/04/2012 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ Quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.
7	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng chính sách xã (phường): Không quá 05 ngày làm việc; - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: Không quá 10 ngày làm việc; - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (bao gồm cả thời gian Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định): Không quá 10 ngày làm việc; 	Ủy ban nhân dân cấp xã (Hội đồng chính sách xã)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	quyết của Chủ tịch UBND tỉnh)	Tổng thời gian giải quyết ở các cấp là 25 ngày làm việc.			<p>bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở cãm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p> <p>- Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của của Thủ tướng Chính phủ Về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cãm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p>
8	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh	<p>- Hội đồng chính sách xã (phường): Không quá 05 ngày làm việc;</p> <p>- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện:</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã (Hội đồng chính sách xã)	Không	<p>- Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Không quá 10 ngày làm việc; - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (bao gồm cả thời gian Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định): Không quá 10 ngày làm việc; Tổng thời gian giải quyết ở các cấp là 25 ngày làm việc.</p>			<p>Tài chính hướng dẫn thực hiện QQuyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở cãm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p> <p>- Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ Về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cãm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ Về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương. - Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.
10	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC về chế độ, chính sách đối với một số đối</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.
11	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC về chế độ,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.
12	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	45 ngày, cụ thể: 1. Cấp xã: 05 ngày. 2. Cấp huyện: 10 ngày. 3. Cấp tỉnh, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: 10 ngày. 4. Cấp quân khu: 10 ngày. 5. Cấp huyện chi trả trợ cấp một lần, trao Giấy chứng nhận: 10 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế
13	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến	55 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) và quyết định, kinh phí hỗ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ</p>	<p>trợ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Cấp huyện: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo (theo từng đợt). - Cấp tỉnh, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo. - Cấp quân khu: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo. - Cấp huyện chi trả hỗ trợ một lần, trao “Giấy chứng 			<p>khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhận” cho đối tượng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ kinh phí, quyết định hỗ trợ, “Giấy chứng nhận” và danh sách đối tượng được hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền.			